

Số: 184/TSC
No: 184/TSC

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2026
Ha Noi, 23 / 9 / 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
DISCLOSURE OF INFORMATION ON HANOI STOCK EXCHANGE PORTAL**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
To: State Securities Commission of Vietnam
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
The Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of company: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI
HANOI TOURIST SERVICE JOINT STOCK COMPANY
 - Mã chứng khoán/Stock symbol: TSJ
 - Trụ sở chính/Address of Head Office: Số 273 phố Kim Mã, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội/No. 273 Kim Ma Street, Giang Vo Ward, Hanoi City
 - Điện thoại/Telephone: (024) 3726 2626 Fax: (024) 3726 2571
 - Website: www.hanoitoserco.com.vn; www.tosercohanoi.com
 - Loại thông tin công bố/Type of Disclosure: ☒ Bất thường ☒ Extraordinary

2. Nội dung thông tin công bố/Content of Disclosure:

Công ty cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội công bố về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Công Ty (đính kèm).

Hanoi Tourist Service Joint Stock Company hereby announces the disclosure of information in accordance with the Information Disclosure Regulation (the attached documents).

3. Thông tin nêu trên đã được đăng tải trên website của Công ty tại đường dẫn
<http://hanoitoserco.com.vn/quan-he-co-dong/>

*This Information has been issued on the Company's Website at the link:
<http://hanoitoserco.com.vn/quan-he-co-dong/>.*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

It commits that the Information issued above is true and held legally accountable for Disclosure of Information.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CBTT: cims, web;
- Lưu: VT.

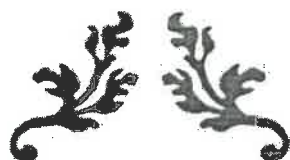
Recipients:

- As above;
- DOI: CIMs, Web;
- Archive: Clerical Office.

CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS



Nguyễn Mạnh Hùng
Nguyen Manh Hung



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI



Hà Nội, tháng 9 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	2
Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin.....	4
Điều 4. Ngôn ngữ công bố thông tin.....	5
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin.....	5
Điều 6. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin.....	5
Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin.....	6
Điều 8. Xử lý vi phạm về công bố thông tin.....	7
CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	7
Điều 9. Công bố thông tin định kỳ.....	7
Điều 10. Các thông tin công bố bất thường.....	10
Điều 11. Công bố thông tin theo yêu cầu.....	13
Điều 12. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty.....	13
Điều 13. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn.....	14
Điều 14. Nghĩa vụ công bố thông tin trong trường hợp Công ty thực hiện phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng, niêm yết trái phiếu doanh nghiệp.....	14
Điều 15. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.....	14
Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan.....	15
Điều 17. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai.....	17
CHƯƠNG III. QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	17
Điều 18. Sơ đồ quy trình công bố thông tin của Công ty.....	17
CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	20
Điều 19. Hiệu lực thi hành.....	20
Điều 20. Sửa đổi, bổ sung.....	20

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về hoạt động, phân công trách nhiệm giữa các phòng ban/bộ phận chức năng trong việc công bố thông tin của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (Mã chứng khoán: TSJ) phù hợp với các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng:
 - Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội;
 - Người thực hiện công bố thông tin;
 - Các phòng ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc của Công ty;
 - Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - Cổ đông, nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
 - Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Công ty*: là Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội;
 - b) *UBCKNN*: là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - c) *Sở giao dịch chứng khoán*: là Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết/đăng ký giao dịch;
 - d) *SGDCK*: là Sở giao dịch chứng khoán;
 - e) *VSDC*: là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - f) *Người nội bộ*: là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty được quy định chi tiết tại Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - g) *Người có liên quan*: là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán:
 - Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
 - Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
 - Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
 - Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

- Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- h) *Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin* bao gồm:
- Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;
 - Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
 - Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.
- i) *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận*: là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập;
- j) *Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:
- Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;
 - Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;
 - Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua VSDC;
 - Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
 - Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua VSDC và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.
- k) *Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:
- Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;
 - Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;
 - Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;
 - Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại VSDC trong trường hợp giao dịch thực hiện qua VSDC;
 - Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

- Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua VSDC và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.
- l) *Luật Doanh nghiệp*: là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- m) *Luật Chứng khoán*: là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung.
- n) *Thông tư 96/2020/TT-BTC*: là Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các văn bản sửa đổi bổ sung.
- o) *Quy chế Công bố thông tin VNX*: là Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các văn bản sửa đổi bổ sung.
- p) *Quy chế giao dịch chứng khoán chưa niêm yết*: là Quy chế đăng ký và quản lý giao dịch chứng khoán chưa niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 23/QĐ-HĐTV ngày 18/3/2026 của Hội đồng thành viên Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và các văn bản sửa đổi bổ sung.
- q) *Ngày công bố thông tin*: là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này.
- r) *Ngày báo cáo*: là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
- s) *Công ty đại chúng quy mô lớn*: là công ty đại chúng có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
2. Đối tượng công bố thông tin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán của Công ty giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó

01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

4. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

5. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử (website) của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử (website) của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

6. Thẩm quyền phê duyệt các nội dung công bố thông tin chi tiết nêu tại Phụ lục 03 đính kèm.

Điều 4. Ngôn ngữ Công bố thông tin

Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam là tiếng Việt. Công ty thực hiện công bố thông tin bằng tiếng Việt, đồng thời bằng tiếng Anh.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty thực hiện công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật (là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc) hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.

2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do Người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất và không vắng mặt của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

3. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục I, Bản cung cấp thông tin theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Điều 6. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
- d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử, ...).

2. Công ty phải lập trang thông tin điện tử và sử dụng trang thông tin điện tử để thực hiện công bố thông tin theo quy định sau:

a) Công ty phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.

b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật;

c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

4. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 8. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Các đối tượng theo quy định tại Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về công bố thông tin dẫn đến hậu quả làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh và uy tín của Công ty, thì tùy theo từng trường hợp cụ thể sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 9. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính năm kiểm toán:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

- Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác, Công ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

- Trường hợp Công ty là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

- Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác, đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng, Công ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm tổng hợp và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

b) Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính.

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Báo cáo tài chính bán niên soát xét:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của công ty, được lập theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên:

- Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

- Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

3. Báo cáo tài chính quý:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý:

- Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công ty công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

- Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

- Trường hợp Công ty đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.

4. Công văn giải trình nguyên nhân khi công bố BCTC:

Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2 và 3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

5. Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Báo cáo thường niên:

Công ty phải lập báo cáo thường niên theo mẫu Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

7. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

a) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

b) Công bố thông tin tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông:

Tối thiểu 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

c) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần hai.

d) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn 24 giờ quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 10 Quy chế này.

8. Báo cáo tình hình quản trị Công ty:

Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, đồng thời thực hiện Báo cáo Sở giao dịch chứng khoán theo Bản cung cấp thông tin về quản trị công ty và dữ liệu điện tử theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quy chế giao dịch chứng khoán chưa niêm yết trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

Điều 10. Các thông tin công bố bất thường:

1. Công ty công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;
- b) Khi nhận được văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
- c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).
Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;
- d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
- đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
- e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định của pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;
- h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công

ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

- Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

l) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, gửi Sở giao dịch chứng khoán các tài liệu liên quan khác theo quy định;

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Công ty là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;

n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;

o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

q) Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;

s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

- t) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
- u) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp Công ty là công ty mẹ);
- v) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).
- w) Các nội dung khác theo quy định pháp luật tại từng thời điểm.

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 9 Quy chế này;
- b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết (nếu có).

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu:

- a) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến (bao gồm các quyền như: Thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; trả cổ tức bằng tiền, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; thực hiện quyền mua chứng khoán; chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi; các quyền khác theo quy định của VSDC và quy định của pháp luật), trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;
- b) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 9 Quy chế này.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác:

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty phải công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 11. Công bố thông tin theo yêu cầu:

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
- b) Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 12. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Công ty:

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn:

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ:

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 13. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn:

1. Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC kể từ thời điểm có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán.
2. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn (vốn góp của chủ sở hữu dưới 120 tỷ đồng tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán), Công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.
3. Trong vòng năm (05) ngày làm việc trước ngày kết thúc thời hạn công bố thông tin quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch là công ty đại chúng quy mô lớn, Công ty gửi thông báo đến Sở Giao dịch Chứng khoán về việc kết thúc việc công bố thông tin theo quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch là công ty đại chúng quy mô lớn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Quy chế công bố thông tin VNX.

Điều 14. Nghĩa vụ Công bố thông tin trong trường hợp Công ty thực hiện phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng, niêm yết trái phiếu doanh nghiệp:

1. Việc Công bố thông tin trong trường hợp Công ty thực hiện phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng được thực hiện theo Điều 19 Thông tư 96/2020/TT-BTC;
2. Việc Công bố thông tin trong trường hợp Công ty thực hiện niêm yết trái phiếu doanh nghiệp được thực hiện theo Điều 20 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Điều 15. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty:

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

VI dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TSJ từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TSJ từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu TSJ của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo điểm k khoản 1 Điều 2 Quy chế này.

4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục IX và Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

6. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 16. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

1. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 (năm mươi) triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 (hai trăm) triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, ngoại trừ trường hợp được quy định chi tiết tại điểm a, khoản 1 Điều 33 Thông tư 96/2020/TT-BTC;

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

e) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 15 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 15 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.

3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ niêm yết, công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

6. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên, ...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử (website).

8. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 8 Điều 33 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Điều 17. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai:

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và Công ty (khi cổ phiếu của Công ty là đối tượng của việc chào mua công khai) phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chào mua công khai.

‘CHƯƠNG III. QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 18. Sơ đồ quy trình công bố thông tin của Công ty

1. Quy trình công bố thông tin đối với các bộ phận nội bộ của Công ty được thực hiện theo sơ đồ sau:

Bước	Quy trình	Trách nhiệm
1		ĐHĐCĐ, HĐQT, Phòng/Ban, Đơn vị trực thuộc
2		Người phụ trách công bố thông tin xử lý thông tin trình lãnh đạo phê duyệt
3		Xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo định kỳ, nội dung công bố thông tin
4		Người phụ trách công bố thông tin thực hiện công bố thông tin
5		Người đại diện theo pháp luật/Người được ủy quyền công bố thông tin kiểm tra việc công bố thông tin
6		Bộ phận văn thư & các bộ phận có liên quan

Diễn giải Quy trình:

❖ **Bước 1: Gửi thông tin công bố:**

Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định hoặc có sự chỉ đạo của Lãnh đạo Công ty về việc công bố các thông tin tự nguyện, các bộ phận liên quan phải tập hợp tài liệu, thông tin cần công bố gửi đến Người phụ trách công bố thông tin.

❖ **Bước 2: Xử lý thông tin:**

Người phụ trách công bố thông tin tiến hành kiểm tra tính chính xác, phù hợp của nội dung báo cáo, tài liệu công bố, đối chiếu báo cáo với các quy định theo Quy chế này và pháp luật hiện hành về công bố thông tin. Trường hợp thông tin được cung cấp chưa đúng với Quy chế này và quy định của pháp luật hiện hành thì Người phụ trách công bố thông tin yêu cầu phòng ban/đơn vị điều chỉnh, bổ sung thông tin cho phù hợp theo quy định.

Thời gian tiếp nhận và xử lý thông tin cần được đảm bảo kịp thời với từng loại thông tin cần công bố theo quy định trước khi trình cấp có thẩm quyền.

❖ **Bước 3: Trình lãnh đạo phê duyệt:**

- Người phụ trách công bố thông tin trình Người đại diện theo pháp luật ký phê duyệt báo cáo, tài liệu công bố trước khi thực hiện công bố thông tin.
- Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà Người được ủy quyền công bố thông tin và tất cả người đại diện theo pháp luật đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất và không vắng mặt của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

❖ **Bước 4: Thực hiện công bố thông tin:**

Người phụ trách công bố thông tin thực hiện đăng tải thông tin kèm dữ liệu điện tử lên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK hoặc VSDC (nếu có), đồng thời đăng tải thông tin lên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

❖ **Bước 5: Kiểm tra thông tin đã công bố:**

Người được ủy quyền công bố thông tin và/hoặc Người đại diện theo pháp luật kiểm tra thông tin đã được công bố với UBCKNN, SGDCK hoặc VSDC (nếu có) trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông tin công bố. Trường hợp sau thời hạn trên, thông tin chưa được công bố trên trang công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK, VSDC thì Người phụ trách công bố thông tin kiểm tra lại việc gửi văn bản công bố thông tin hoặc việc đăng tải thông tin và liên hệ với cơ quan này để thực hiện lại việc công bố thông tin (nếu cần) .

❖ **Bước 6: Lưu trữ thông tin công bố:**

Việc bảo quản và lưu trữ thông tin công bố được thực hiện theo quy định của pháp luật và khoản 5 Điều 3 Quy chế này.

2. Quy trình công bố thông tin đối với các đối tượng khác được thực hiện theo sơ đồ sau:

Bước	Quy trình	Trách nhiệm
1		Đối tượng công bố thông tin gửi thông tin công bố
2		Người phụ trách công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ Đối tượng công bố thông tin
3		Người phụ trách công bố thông tin kiểm tra thông tin và thực hiện công bố thông tin lên Website Công ty
4		Bộ phận có liên quan lưu trữ tài liệu

Diễn giải Quy trình:

❖ **Bước 1: Đối tượng công bố thông tin gửi thông tin công bố:**

Đối tượng công bố thông tin là các đối tượng theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Quy chế này gửi thông tin công bố tới UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán và Công ty.

❖ **Bước 2: Tiếp nhận thông tin:**

Người phụ trách công bố thông tin tiếp nhận thông tin và kiểm tra nội dung thông tin.

❖ **Bước 3: Thực hiện công bố thông tin:**

Người phụ trách công bố thông tin thực hiện công bố thông tin lên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

❖ **Bước 4: Lưu trữ thông tin công bố:**

Việc bảo quản và lưu trữ thông tin công bố được thực hiện theo quy định của pháp luật và khoản 5 Điều 3 Quy chế này.

CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế hiệu lực cho Nghị quyết số 16/2017/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 05 năm 2017 và các văn bản ban hành trước đó có cùng nội dung.

Các đối tượng công bố thông tin và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế này.

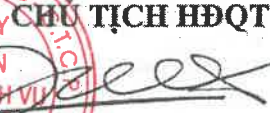
2. Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật, hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trong từng thời kỳ, bao gồm nhưng không hạn chế ở những nội dung đã được quy định trong Quy chế này. Trường hợp có các quy định của pháp luật về công bố thông tin chưa được đề cập tại Quy chế này hoặc có các quy định pháp luật mới ban hành khác với Quy chế này thì phải tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin được nêu tại các quy định pháp luật đó.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp thì Tổng Giám đốc tổng hợp các ý kiến trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật.

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2026

 **CHỦ TỊCH HĐQT**


Nguyễn Mạnh Hùng

PHỤ LỤC 01:
DANH MỤC TÀI LIỆU CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

STT	Báo cáo	Thời điểm CBT	Thời hạn cuối cùng	Biểu mẫu
1	Báo cáo tài chính Quý IV năm XX-1	<i>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý</i>	20/01/XX	-
		<i>Trường hợp là công ty mẹ hoặc đơn vị cấp trên: thời hạn là 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý</i>	30/01/XX	
2	- Báo cáo tình hình quản trị công ty năm XX-1 - Bản cung cấp thông tin về quản trị công ty	<i>Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi kết thúc năm</i>	30/01/XX	Phụ lục V Thông tư 96/2020/TT-BTC Phụ lục IV Quy chế giao dịch chứng khoán chưa niêm yết
3	Báo cáo tài chính kiểm toán năm XX-1	<i>Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo, nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính</i>	31/03/XX	-
4	Báo cáo thường niên năm XX-1	<i>Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính</i>	20/04/XX	Phụ lục IV Thông tư 96/2020/TT-BTC
5	Tài liệu ĐHĐCĐ	<i>Trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, chậm nhất là hai mươi một (21) ngày</i>	-	-
6	Báo cáo tài chính Quý 1 năm XX	<i>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý</i>	20/04/XX	-
		<i>Trường hợp là công ty mẹ hoặc đơn vị cấp trên: thời hạn là 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý</i>	30/04/XX	-
7	Báo cáo tài chính Quý 2 năm XX	<i>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý</i>	20/07/XX	-
		<i>Trường hợp là công ty mẹ hoặc đơn vị cấp trên: thời hạn là 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý</i>	30/07/XX	-
8	- Báo cáo tình hình quản trị	<i>Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi kết thúc 06 tháng đầu năm</i>	30/07/XX	Phụ lục V

STT	Báo cáo	Thời điểm CBT	Thời hạn cuối cùng	Biểu mẫu
	công ty 06 tháng đầu năm XX - Bản cung cấp thông tin về quản trị công ty			Thông tư 96/2020/TT-BTC Phụ lục IV Quy chế giao dịch chứng khoán chưa niêm yết
9	BCTC bán niên đã được soát xét	<i>Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính</i>	14/08/XX	-
		<i>Trường hợp là công ty mẹ hoặc đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc: Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính</i>	29/08/XX	-
10	Báo cáo tài chính Quý III năm XX	<i>Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý</i>	20/10/XX	-
		<i>Trường hợp là công ty mẹ hoặc đơn vị cấp trên: thời hạn là 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý</i>	30/10/XX	-

Ghi chú: Năm XX là năm báo cáo và không phải là năm nhuận.

PHỤ LỤC 02:
DANH MỤC BIỂU MẪU CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

STT	Nội dung công bố	Biểu mẫu liên quan
1	Công bố thông tin về thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ	Phụ lục I Quy chế công bố thông tin VNX Phụ lục III Thông tư 96/2020/TT-BTC
2	Công bố thông tin thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan đã cung cấp	Phụ lục II Quy chế công bố thông tin VNX
3	Công bố thông tin thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	Phụ lục III Quy chế công bố thông tin VNX
4	Công bố thông tin đăng ký mô hình công ty, loại báo cáo tài chính công bố thông tin khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký thay đổi mô hình công ty, loại báo cáo tài chính	Phụ lục IV Quy chế công bố thông tin VNX
5	Công bố thông tin thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Phụ lục V Quy chế công bố thông tin VNX
6	Các thông tin công bố bất thường khác	Phụ lục VI Quy chế công bố thông tin VNX
7	Công bố thông tin về việc kết thúc việc công bố thông tin	Phụ lục VII Quy chế công bố thông tin VNX

PHỤ LỤC 03:**THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT CÔNG BỐ THÔNG TIN****1. Công bố thông tin định kỳ**

STT	Hạng mục	Thẩm quyền phê duyệt		Ghi chú
		Hội đồng quản trị	Tổng giám đốc	
1	Báo cáo tài chính Quý		X	
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét		X	
3	Báo cáo tài chính kiểm toán năm	X		
4	Báo cáo thường niên năm	X		
5	Tài liệu Đại hội đồng cổ đông	X		
6	- Báo cáo tình hình quản trị công ty 06 tháng đầu năm - Bản cung cấp thông tin về quản trị công ty		X	
7	- Báo cáo tình hình quản trị công ty năm - Bản cung cấp thông tin về quản trị công ty		X	

2. Công bố thông tin bất thường

STT	Hạng mục	Thẩm quyền phê duyệt		Ghi chú
		Hội đồng quản trị	Tổng giám đốc	
I	Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ			
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;		X	

STT	Hạng mục	Thẩm quyền phê duyệt		Ghi chú
		Hội đồng quản trị	Tổng giám đốc	
2	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty).		X	
3	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;		X	
4	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;		X	
5	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;		X	
6	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.		X	
7	Các nội dung khác	X		
II	Công bố thông tin khác			
1	Công bố thông tin về hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	X		
2	Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu		X	
3	Công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính		X	

STT	Hạng mục	Thẩm quyền phê duyệt		Ghi chú
		Hội đồng quản trị	Tổng giám đốc	
	hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hội tố)			
4	Công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp sau khi thay đổi kỳ kế toán		X	
III	Công bố thông tin theo yêu cầu			
1	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	X		
2	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó	X		
IV	Công bố thông tin khác			
1	Công bố thông tin của cổ đông lớn		X	
2	Công bố thông tin về người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ		X	
3	Các trường hợp khác		X	

